Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	140,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.9%	**1.7%**	**56.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	67,534 - 160,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	16,083
Số lượng CPLH (CP)	114,385,879
KLGD BQ 20 phiên (CP)	677,100
Sở hữu nước ngoài	10.4%
Beta	1.38
EPS	4,590
P/E	30.6

Tỷ suất lợi nhuận

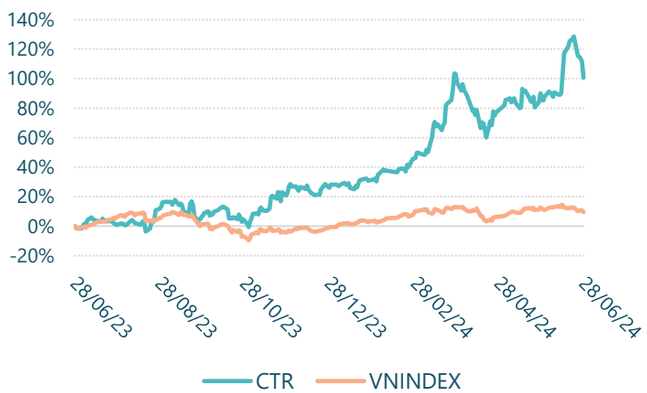

Doanh thu thuần

Q2/24

3,012

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 389 | 14.8%

YoY: ▲ 311 | 11.5%

Nợ/VCSH

Q2/24

261%

YoY: +/-▲ 10.4%

LN gộp

Q2/24

223

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.0 | 18.6%

YoY: ▲ 18.0 | 8.7%

ROE (TTM)

Q2/24

29.7%

YoY: +/-▲ 0.9%

LN trước thuế

Q2/24

161

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0 | 12.1%

YoY: ▲ 6.00 | 4.2%

ROA (TTM)

Q2/24

8.1%

YoY: +/-▼ 0.0%

Kết quả kinh doanh Q2/24

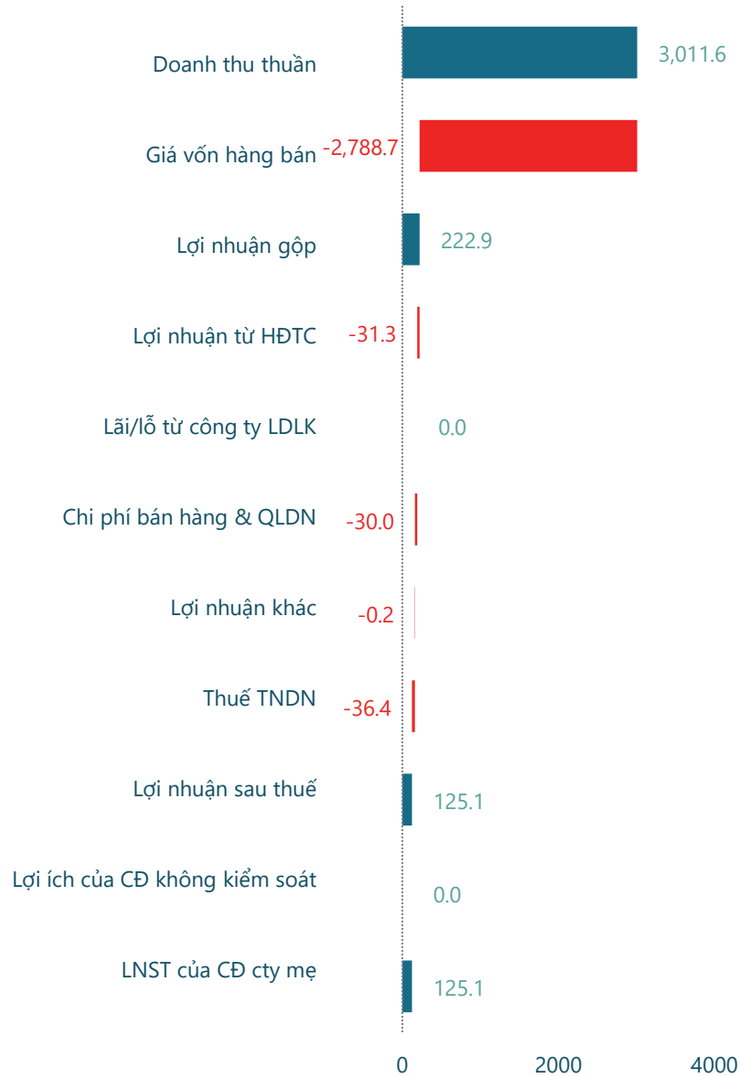

Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

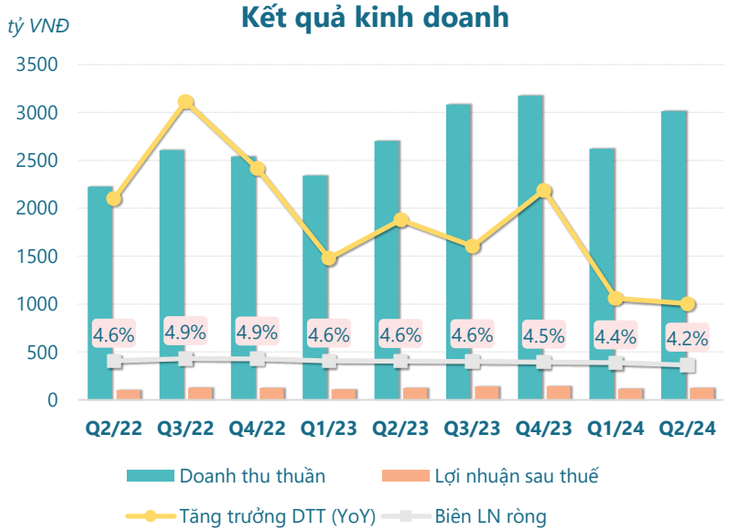

Kết quả kinh doanh của **CTR** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **3,012 tỷ đồng** tăng thêm **11.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 125.1 tỷ đồng**, **tăng trưởng 0.72%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **5,635 tỷ đồng** cao hơn 11.8% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 241.0 tỷ đồng** cao hơn 3.43% so với cùng kỳ năm trước.

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 161.6 tỷ đồng**, tăng thêm 12.0% so với kỳ trước và cao hơn 3.92% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 31.27 tỷ đồng** giảm đi 27.33 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 888% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.16 tỷ đồng** giảm đi 420% so với kỳ trước và tăng thêm 0.44 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

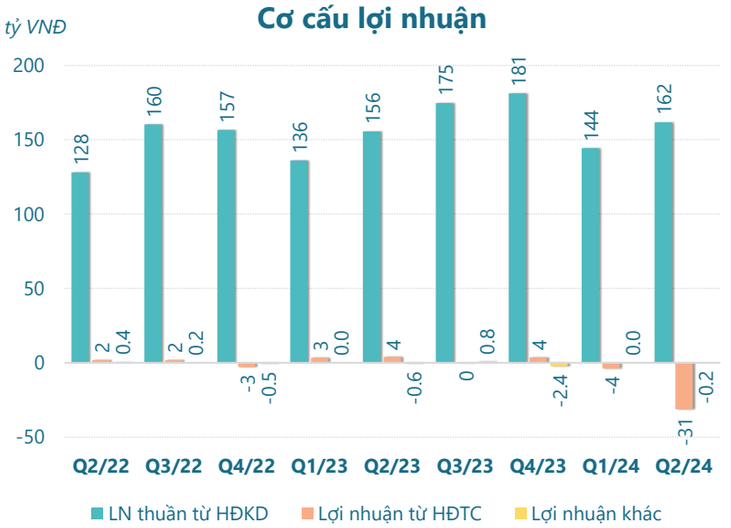

Cơ cấu chi phí

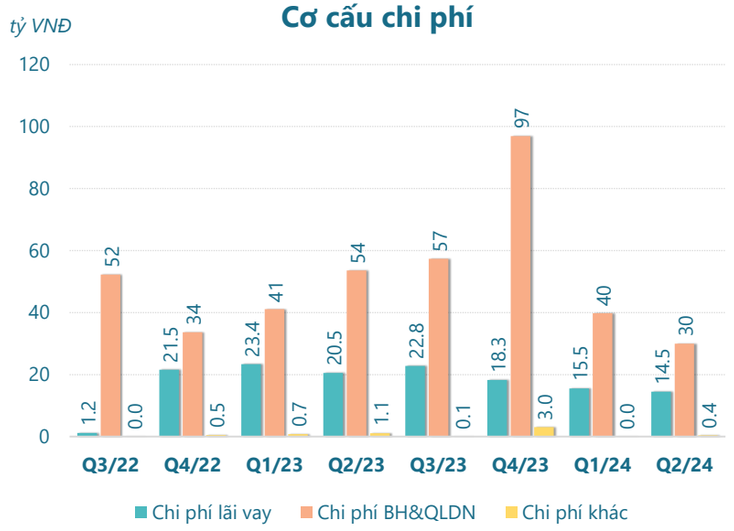

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **14.52 tỷ đồng** giảm đi 6.44% so với kỳ trước và thấp hơn 29.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **30.01 tỷ đồng** giảm đi 24.6% so với kỳ trước và thấp hơn 43.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.40 tỷ đồng** tăng thêm 900% so với kỳ trước và thấp hơn 63.6% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng CTCP Công trình Viettel (HSX: CTR)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,012**	**2,623**	**14.8%**	**2,701**	**11.5%**	**5,635**	**5,041**	**11.8%**
Giá vốn hàng bán	2,789	2,435	14.5%	2,496	11.7%	5,224	4,662	12.1%
Lợi nhuận gộp	223	188	18.6%	205	8.7%	411	379	8.4%
Doanh thu HĐTC	11.6	11.7	-0.9%	24.8	-53.2%	23.3	51.7	-54.9%
Chi phí TC	42.9	15.6	175%	20.8	106%	58.5	44.3	32.1%
Chi phí lãi vay	14.5	15.5	-6.3%	20.5	-29.2%	30.0	43.9	-31.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**30.0**	**39.8**	**-24.6%**	**53.5**	**-43.9%**	**69.8**	**94.7**	**-26.3%**
LN thuần từ HĐKD	162	144	12.2%	156	3.6%	306	292	4.9%
Lợi nhuận khác	**-0.16**	**0.05**	**-413%**	**-0.60**	**73.9%**	**-0.11**	**-0.56**	**80.1%**
LN trước thuế	161	144	12.1%	155	4.2%	306	291	5.1%
Lợi nhuận sau thuế	**125**	**116**	**7.8%**	**124**	**0.8%**	**241**	**233**	**3.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**125**	**116**	**7.8%**	**124**	**0.8%**	**241**	**233**	**3.7%**

